

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-SGDĐT

Đồng Tháp, ngày tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH
Tên Chương trình: Kiên cố hóa trường trường, lớp học
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình: **Kiên cố hóa trường trường, lớp học giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.**

2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư Chương trình: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Cấp quyết định đầu tư Chương trình: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

4. Cơ quan chủ Chương trình: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp.

5. Tên Chủ đầu tư:

- Đối với các dự án thành phần sử dụng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý và phân bổ:

+ Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

+ Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các dự án thành phần sử dụng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố:

+ Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

+ Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng và phát triển quỹ đất các huyện, thị xã, thành phố.

6. Mục tiêu của chương trình:

Xây dựng các trường học mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia theo hướng hiện đại hóa, kiên cố hóa, cụ thể:

- Xây dựng phòng học mới cho trường tiểu học đảm bảo đủ 01 lớp/phòng.

- Xây dựng phòng học mới thay thế toàn bộ số phòng học bán kiên cố, phòng học tạm, xuống cấp nặng và phòng học bổ sung cho cấp THCS và THPT.

- Xây dựng mới các hạng mục công trình thuộc khu phục vụ học tập, phòng học bộ môn, phòng thiết bị, phòng làm việc hiệu bộ, phòng học đa năng, thư viện, phòng y tế.

7. Quy mô đầu tư

- Tổng số dự án: 164 dự án với quy mô 1.439 phòng học, 1.791 phòng chức năng (bao gồm: phòng phục vụ học tập, phòng học bộ môn, khu tổ chức ăn, khu hành chính – quản trị) và các công trình phụ trợ (bao gồm: cổng – hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe,...), trong đó:

+ Giai đoạn 2016-2020: Tổng số 132 dự án với quy mô 1.190 phòng học, 1.432 phòng chức năng và các công trình phụ trợ.

+ Giai đoạn sau năm 2020: Tổng số 32 dự án, với quy mô 249 phòng học, 359 phòng chức năng và các công trình phụ trợ.

8. Địa điểm đầu tư: Các trường mầm non, mẫu giáo và phổ thông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

9. Các mốc thời gian về chương trình:

Căn cứ Công văn số 246h/HĐND-KTNS ngày 30/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 233/2019/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thông qua điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là Nghị quyết số 233);

10. Thời gian thực hiện chương trình:

- Thời gian bắt đầu: Năm 2016.

- Thời gian kết thúc: Dự kiến năm 2022.

11. Tổng mức đầu tư: 1.866,649 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016-2020: 1.562,387 tỷ đồng.

- Giai đoạn sau năm 2020: 304,262 tỷ đồng.

12. Nguồn vốn đầu tư:

| Nội dung | Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (Tỷ đồng) | | | | | | |
|---------------------------|---|--------------------------------|--------------------|------------------|---------------|---------------|---------------|
| | Số dự án | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | |
| | | | Vốn ngân sách Tỉnh | Vốn NS cấp huyện | Vốn TPCP | Vốn ODA | XHH |
| 1. Giai đoạn 2016-2020 | 132 | 1.562,387 | 1.200,349 | 283,238 | 55,800 | 13,000 | 10,000 |
| 2. Giai đoạn sau năm 2020 | 32 | 304,262 | 197,385 | 30,268 | | | 76,609 |
| TỔNG CỘNG | 164 | 1.866,649 | 1.397,734 | 313,506 | 55,800 | 13,000 | 86,609 |

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tình hình thực hiện chương trình đến thời điểm xin điều chỉnh dự án:

a. Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

Đến hết ngày 31/12/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp các ngành (Văn phòng UBND Tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở GDĐT và UBND các huyện, thị xã, thành phố) thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, trình UBND Tỉnh phê duyệt **152 dự án** (bao gồm: 132 dự án giai đoạn 2016-2020 và 20 dự án giai đoạn sau năm 2020 theo chủ trương phê duyệt).

b. Kế hoạch vốn bố trí
Tổng vốn đã bố trí đến năm 2020

| Năm bố trí | Nguồn vốn (Tỷ đồng) | | | | | |
|------------------|-------------------------|--------------------|-------------------------|---------------|---------------|-----|
| | Tổng số (các nguồn vốn) | Trong đó: | | | | |
| | | Vốn ngân sách Tỉnh | Vốn Ngân sách cấp huyện | Vốn TPCP | Vốn ODA | XHH |
| Năm 2016 | 126,847 | 114,102 | 12.745 | 0 | 0 | |
| Năm 2017 | 275,701 | 238,984 | 28.817 | 7,900 | | |
| Năm 2018 | 483,143 | 366,114 | 92.529 | 24,500 | | |
| Năm 2019 | 383,881 | 280,014 | 70.467 | 23,400 | 10,000 | |
| Năm 2020 | 364,669 | 306,915 | 54.754 | 0 | 3,000 | |
| TỔNG CỘNG | 1.634,241 | 1.306,129 | 259.312 | 55,800 | 13,000 | |

c. Kết quả thực hiện đến tháng 6 năm 2020

- Dự án hoàn thành: 88 dự án với quy mô 675 phòng học, 885 phòng chức năng và các công trình phụ trợ.

- Dự án đang thi công: 50 dự án.

- Dự án chuẩn bị khởi công: 13 dự án.

d. Đánh giá chung

*. Những mặt được

- Được sự quan tâm và chung tay thực hiện của các đơn vị liên quan nên tiến độ thực hiện chương trình nhanh hơn kế hoạch đề ra.

- Cơ sở trường, lớp được đầu tư đồng bộ thuận lợi cho việc thực hiện xây dựng nông thôn mới và trường chuẩn quốc gia, góp phần nâng chất lượng dạy và học ở các cấp học.

*. Những tồn tại, hạn chế

- Một số dự án triển khai chậm do không có sự chuẩn bị về mặt bằng.

- Công tác chuẩn bị đầu tư ở một số đơn vị còn chậm.

- Công tác kêu gọi đầu tư gặp khó khăn nên các dự án dự kiến xã hội hóa không thực hiện được.

- Chương trình được Hội đồng nhân dân Tỉnh phê duyệt chi tiết từng dự án thành phần nên khi thay đổi quy mô (tăng, giảm phòng học, phòng chức năng) và kinh phí đầu tư từng dự án phải thông qua Hội đồng nhân dân Tỉnh điều chỉnh. Việc này làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chương trình.

III. NỘI DUNG VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN

1. Nội dung điều chỉnh

a. Quy mô

- Tổng số dự án: 151 dự án với quy mô 1.244 phòng học, 1.609 phòng chức năng (bao gồm: phòng phục vụ học tập, phòng học bộ môn, khu tô chức ăn, khu hành chính – quản trị) và các công trình phụ trợ (bao gồm: cổng – hàng rào, nhà vệ sinh, nhà xe,...), trong đó:

- + Các dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020: 117 dự án.
- + Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 hoàn thành: 34 dự án.
- So với chủ trương đã được duyệt tại Nghị quyết 233, Chương trình có quy mô giảm 13 dự án với 181 phòng học, 174 phòng chức năng (trong đó có 02 dự thuộc giai đoạn 2016-2020, 11 dự án sau năm 2020).

b. Tổng kinh phí, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

- Tổng kinh phí: 1.919,743 tỷ đồng,
- + Các dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020: 1.343,124 tỷ đồng.
- + Các dự án hoàn thành sau năm 2020: 576,619 tỷ đồng
- Nguồn vốn thực hiện

| Nội dung | Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn (Tỷ đồng) | | | | | XHH |
|------------------------|---|--|--|---------------|---------------|----------|
| | Tổng số | Vốn ngân sách tỉnh (vốn ngân sách tập trung và Xổ số kiến thiết) | Vốn ngân sách huyện, thị xã và thành phố | Vốn TPCP | Vốn ODA | |
| Giai đoạn 2016-2020 | 1.634,241 | 1.306,129 | 259,312 | 55,800 | 13,000 | 0 |
| Giai đoạn sau năm 2020 | 285,502 | 170,404 | 115,098 | | | |
| Tổng cộng | 1.919,743 | 1.476,533 | 374,410 | 55,800 | 13,000 | 0 |

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

***. Lý do điều chỉnh**

- Quy mô đầu tư (phòng học, phòng chức năng) một số dự án thành phần khi triển khai thiết kế chi tiết tổng mặt bằng xây dựng có thay đổi tăng, giảm cho phù hợp với hiện trạng thực tế và nhu cầu sử dụng.

- Giảm 13 dự án (loại ra khỏi chương trình) do:

+ 05 dự án kế hoạch kêu gọi đầu tư xã hội hóa (MN Hòa An, MN Mỹ Phú, MN Sen Hồng, MN Tân Quy Đông, MN Long Hậu 2): Không kêu gọi đầu tư được vì đa số các dự án có tài sản công nên theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu năm 2018, nhà đầu tư sẽ không được hưởng ưu đãi về đất đai, tài sản trên đất. Ngoài ra, các dự án MN Long Hậu 2, Hòa An thuộc khu vực xã, thu nhập người dân còn thấp, đồng thời chính sách ưu đãi đầu tư chưa thật sự thu hút nên việc kêu gọi đầu tư gặp khó khăn.

+ Dự án Trường THPT Thành phố Cao Lãnh: Quy mô đầu tư theo chủ trương của Tỉnh (theo Công văn số 728/VPUBND ngày 15/7/2019 của Văn phòng UBND Tỉnh về kết quả họp xem xét phương án thiết kế kiến trúc công trình Trường THPT Thành phố Cao Lãnh) khác với mục tiêu của chương trình.

+ Trường THPT Kiến Văn: Điều chỉnh quy mô. Mặt bằng chưa đền bù.

+ Dự án Trường THPT Châu Thành 2: Điều chỉnh quy hoạch thị trấn Cái Tàu Hạ và Trường THPT Châu Thành 2 sẽ di dời vị trí mới.

+ Dự án Trường THPT Hồng Ngự 3: Chủ trương của tỉnh không sử dụng hồ sơ thiết kế đã phê duyệt năm 2013, sẽ lập hồ sơ thiết kế mới nên không kịp triển khai giai đoạn 2016-2020.

+ Dự án Trường MG Phú Thọ: Mặt bằng xây dựng có tranh chấp, chưa giải quyết xong.

+ Dự án Trường TH Tân Quới 2: Quy mô có thay đổi do sắp xếp trường, lớp, di dời vị trí mới, đồng thời huyện triển khai hồ sơ chậm.

+ Dự án Trường TH An Thạnh 1: Mặt bằng chưa mở rộng được.

+ Dự án Trường THCS An Lạc: Điều chỉnh quy hoạch, di dời mặt bằng mới do sắp xếp trường, lớp.

- Điều chỉnh kinh phí thực hiện chương trình cho phù hợp với thực tế triển khai các dự án thành phần, bao gồm: suất đầu tư; diện tích sàn do khi thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn suất đầu tư xây dựng, thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư, chi phí khác và diện tích một số phòng, diện tích phụ chỉ tạm tính.

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH

Việc điều chỉnh chương trình làm tăng số trường được đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2016-2020 (chuyển 21 dự án dự kiến đầu tư giai đoạn sau năm 2020 lên đầu tư trong giai đoạn 2016-2020), giúp cho các trường sớm có điều kiện cơ sở vật chất hoàn chỉnh theo quy định, tạo thuận lợi cho việc dạy và học ở các cấp học, góp phần nâng chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định và đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh cho phép điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình Kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Lưu: VT, XDCB, TS, 3b.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Thanh Hùng